

KEYNES AND ASSOCIATES' CONTRIBUTIONS TO INTERNATIONAL TRADE AND THE GLOBAL ECONOMY

Tran Dang Duong

Trung Vuong University

Email: tranduong.gss@gmail.com

Received: 28/02/2025

Reviewed: 05/03/2025

Revised: 16/03/2025

Accepted: 22/03/2025

Released: 30/03/2025

DOI:

<https://doi.org/.../.../...>

Keynesian thought is quite popular in Vietnam, macroeconomics courses in Vietnam all contain more or less content related to this school of economics. However, the contributions of John Maynard Keynes and Keynesian economists to international economics, international trade or to the common prosperity of the whole world seem to have not received due attention. In the context of the current volatile global economy, this article introduces some typical features of John Maynard Keynes's thought in particular and Keynesian thinkers in general, then discusses other lesser-known contributions of him and his colleagues to international economic thought and international trade.

Keywords: Keynes; Keynesian; International economics; Macroeconomics, Economic policy.

1. Giới thiệu

Tư tưởng Keynesian khá phổ biến tại Việt Nam, các học phần kinh tế học vĩ mô tại Việt Nam đều ít nhiều chứa đựng các nội dung có liên quan tới trường phái kinh tế học này. Tuy nhiên, những đóng góp của cá nhân John Maynard Keynes và các nhà kinh tế học theo trường phái Keynesian cho kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế hay là cho sự thịnh vượng chung của toàn thế giới, dường như chưa được chú ý đúng mức. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động như giai đoạn hiện nay, bài viết giới thiệu một số nét tiêu biểu trong tư tưởng John Maynard Keynes nói riêng và các nhà tư tưởng theo trường phái Keynesian nói chung, sau đó thảo luận về những đóng góp khác ít được biết đến hơn của ông và các cộng sự về tư tưởng kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Trường phái Keynesian được đặt nền móng từ những công trình của Keynes trong khoảng thời gian từ sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất mà đỉnh cao là tác phẩm “*Lý thuyết tổng quát*” của ông. Tác phẩm kinh điển này đồng thời cũng là cột mốc cho sự hình thành bộ môn Kinh tế học vĩ mô, vốn tự định hình như là dòng chính của nghiên cứu kinh tế nói chung. Nhiều thế hệ học giả, trong đó bao gồm những cộng sự và môn đệ của Keynes, đã khai triển nhiều khía cạnh khác nhau từ nền móng này, tạo nên trường phái Keynesian với quan điểm nổi bật về “bàn tay hữu hình”, cổ vũ cho sự năng động của các chính phủ trong việc điều tiết thị trường. Trong số đó, có nhiều công trình nổi tiếng được trao giải Nobel Kinh tế. Ở góc độ này, các nhà tư tưởng Keynesian thường bị mặc định là đóng khung trong

giả định về một “nền kinh tế đóng” – tức không có giao thương quốc tế. Khi đó, sự gia tăng trong chỉ tiêu chính phủ được khuyến khích trong tình huống mà các khu vực khác trong nền kinh tế không còn nguồn lực. Sự chủ động này sẽ thúc đẩy tăng trưởng, từ đó tạo ra nhiều việc làm và kéo toàn bộ nền kinh tế thoát khỏi nguy cơ suy thoái. Từ đó, giúp các quốc gia tránh khỏi các cuộc khủng hoảng về chính trị và xã hội. Ở Việt Nam, các kiến thức về khía cạnh này của tư tưởng Keynesian cũng rất phổ biến và được khai thác qua nhiều nghiên cứu.

Tuy nhiên, có một khía cạnh khác của tư tưởng Keynesian ít được chú ý hơn nhưng không kém phần quan trọng. Đó là những tư tưởng phân tích mối tương quan giữa các nền kinh tế quốc tế, cách thức để các nền kinh tế trên thế giới có thể cùng thịnh vượng và những giải pháp đề duy trì sự thịnh vượng đó. Sự đóng góp của Keynes và các cộng sự trong việc tạo lập Bản vị Vàng – Dollar (Hội nghị Bretton Wood), hay sự hình thành các tổ chức thương mại và tài chính trên thế giới (IMF, WTO, WB) cho thấy dấu ấn của bản thân ông và trường phái Keynesian trong sự phát triển kinh tế quốc tế. Đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, các chiến lược như: “tăng trưởng dựa trên xuất khẩu”, phát triển cơ sở hạ tầng thông qua đầu tư công và vay nợ chính phủ, phát triển hệ thống tài chính... đều có liên quan hoặc ít nhất là “lấy cảm hứng” từ tư tưởng Keynesian.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết mở đầu thông qua việc giới thiệu một số nội dung tiêu biểu trong kinh tế học Keynesian. Sau đó thảo luận về những nội dung ít được biết đến hơn liên quan đến kinh tế quốc tế và thương

mại quốc tế mà bản thân Keynes và các học trò của ông đã dày công nghiên cứu, phát triển và ứng dụng. Các nội dung được trình bày theo trình tự thời gian. Các đồ thị được sử dụng để hỗ trợ cho việc diễn giải các quan điểm Keynesian một cách nhanh chóng và hiệu quả.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Giá cứng nhắc, số nhân và đường chéo Keynesian

a) Giá cứng nhắc

Vào cuối những năm 1930, John Maynard Keynes phải đối mặt với hai vấn đề lớn: sự thất bại của bản vị vàng và tình trạng thất nghiệp lan rộng. Ông nhận ra rằng cần phải có một cách tiếp cận mới để giải quyết những thách thức này. Điều này dẫn đến sự phát triển của *Lý thuyết Tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ*, một tác phẩm mang tính cách mạng đã thay đổi cách chúng ta hiểu về kinh tế học vĩ mô. Để giải quyết vấn đề phức tạp của thất nghiệp, Keynes đã đưa ra một số giả định đơn giản hóa. Đầu tiên, ông giả định một nền kinh tế đóng, trong đó mỗi quốc gia được phân tích như thể nó là quốc gia duy nhất trên thế giới. Thứ hai, ông giới hạn mình trong ngắn hạn, trong đó tổng lượng vốn là không thay đổi. Cuối cùng, và quan trọng nhất, ông từ bỏ giả định giá cả linh hoạt, một giả định được hầu hết các nhà kinh tế học trước đó chấp nhận. Thay vào đó, ông giả định giá cả cứng nhắc, một giả định phù hợp hơn với thực tế của những năm 1930. Keynes nhận thấy rằng giả định về giá cả linh hoạt của các nhà kinh tế học cổ điển không phù hợp với thực tế. Ông quan sát thấy tiền lương và giá cả không giảm nhanh chóng để phản ứng với sự sụt giảm trong tổng cầu. Keynes lập luận rằng tiền lương danh nghĩa có xu hướng cứng nhắc vì người lao động phản đối việc cắt giảm tiền lương, coi đó là sự xúc phạm và hạ thấp giá trị bản thân. Các hợp đồng lao động dài hạn và sức mạnh của các công đoàn cũng góp phần vào sự cứng nhắc này. Sự cứng nhắc của giá cả có những hệ quả quan trọng. Nó có nghĩa là thị trường không thể tự điều chỉnh để đạt được trạng thái toàn dụng lao động.

Khi tổng cầu giảm, các công ty không thể giảm giá để kích thích nhu cầu, thay vào đó họ giảm sản xuất và sa thải công nhân. Điều này dẫn đến một vòng xoáy suy thoái, trong đó thất nghiệp làm giảm thu nhập và chi tiêu, làm giảm tổng cầu hơn nữa. Keynes cho rằng chính phủ có thể can thiệp để phá vỡ vòng xoáy này bằng cách tăng tổng cầu. Các chính sách như chi tiêu chính phủ và giảm thuế có thể giúp kích thích nền kinh tế và tạo ra việc làm. Keynes cũng ủng hộ chính sách tiền tệ nới lỏng để giảm lãi suất và khuyến khích đầu tư. Giả định về giá cả cứng nhắc là một trong những nền tảng của kinh tế học Keynesian. Keynes đã phát triển một

cách tiếp cận mới để hiểu và giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô. Hai công cụ quan trọng trong phân tích của ông là số nhân và đường chéo Keynesian, giúp giải thích cách thức chi tiêu có thể ảnh hưởng đến sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

b) Số Nhân

Số nhân là một khái niệm quan trọng trong Lý thuyết Tổng quát, cho thấy rằng một sự thay đổi trong chi tiêu sẽ có tác động lớn hơn đến tổng cầu và sản lượng. Điều này là do chi tiêu của một người trở thành thu nhập của người khác và người đó sau đó sẽ chi tiêu một phần thu nhập của họ và cứ thế tiếp diễn. Richard Kahn đã đóng góp quan trọng vào việc phát triển khái niệm số nhân. Ông chỉ ra rằng nếu sản lượng có thể thay đổi để đáp ứng sự gia tăng chi tiêu chính phủ, thì sự gia tăng này có thể được bù lại tương ứng với những khoản tiết kiệm từ việc tăng sản lượng, chứ không phải từ sự gia tăng của lãi suất. Sự gia tăng sản lượng này sẽ làm tăng lợi nhuận vì nhiều người có việc làm hơn, hàng hóa được sản xuất và bán được nhiều hơn. Và trong mỗi giao dịch có một phần lợi nhuận tăng lên. Kahn nói sản lượng sẽ tăng tới mức đủ để các khoản tiết kiệm đến từ lợi nhuận tăng lên cân bằng với sự gia tăng trong chi tiêu chính phủ.

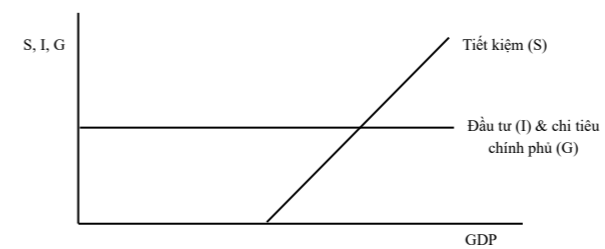
Khi chính phủ triển khai một khoản chi tiêu công nào đó, tiền được bơm vào nền kinh tế, tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho những người lao động và doanh nghiệp tham gia dự án. Những người này lại sử dụng phần lớn thu nhập mới của họ để tiêu dùng, thúc đẩy lợi nhuận của doanh nghiệp cung ứng hàng hóa và dịch vụ. Các doanh nghiệp này, đến lượt mình, cũng tăng cường sản xuất và có thể thuê thêm nhân công, tạo ra thu nhập và tiêu dùng tăng lên theo một chu kỳ như vậy. Mức độ của số nhân phụ thuộc vào xu hướng tiêu dùng biên (MPC - Marginal Propensity to Consume), tức là phần trăm của mỗi đơn vị thu nhập bổ sung mà người dân có xu hướng tiêu dùng. MPC càng cao, số nhân càng lớn, do tiêu dùng gia tăng nhiều hơn sẽ kích thích toàn bộ nền kinh tế hiệu quả hơn.

Hiểu rõ về số nhân rất quan trọng đối với việc hoạch định chính sách tài khóa chiến lược. Trong thời kỳ suy thoái, khi nhu cầu tự nhiên từ khu vực tư nhân giảm sút, nhà nước có thể can thiệp thông qua việc tăng chi tiêu công cộng để bù đắp thiếu hụt trong tổng cầu. Với sự hỗ trợ của số nhân, một khoản chi tiêu tăng không bị mất đi mà sẽ nhân lên trong toàn bộ nền kinh tế, giúp thúc đẩy sản lượng kinh tế và giảm thiểu thất nghiệp.

c) Đường chéo Keynesian và nghịch lý của tiết kiệm

Đường chéo Keynesian được xây dựng trên một hệ trục tọa độ, trong đó trục hoành biểu diễn tổng sản lượng quốc gia (GDP) và trục tung biểu diễn

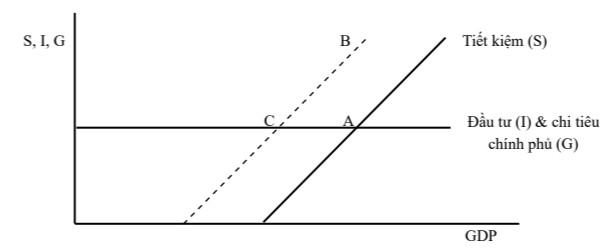
tổng chi tiêu, bao gồm tiêu dùng, đầu tư và chi tiêu chính phủ.



Hình 1: Đường chéo Keynes

Tổng chi tiêu được xem xét như một hàm tuyến tính của tiết kiệm (S), thể hiện tổng chi tiêu dự kiến trong nền kinh tế ở mỗi mức sản lượng. Đường này được xây dựng bằng cách cộng các thành phần của tổng cầu. Đường phản ánh tiết kiệm (hay chi tiêu) có độ dốc dương, phản ánh xu hướng tiêu dùng biên (MPC), tức là phần trăm của mỗi đơn vị thu nhập bổ sung mà hộ gia đình chi tiêu, và cũng tương ứng với tỉ lệ giữa tiết kiệm và tiêu dùng. Đầu tư (I) và chi tiêu chính phủ (G) thường được coi là tự định, tức là không phụ thuộc trực tiếp vào mức GDP. Đường 45 xuất phát từ gốc tọa độ và có độ dốc bằng 1, biểu diễn tất cả các điểm mà tại đó tổng chi tiêu bằng tổng sản lượng. Điểm giao nhau giữa đường tổng chi tiêu và đường 45 độ xác định mức sản lượng cân bằng của nền kinh tế.

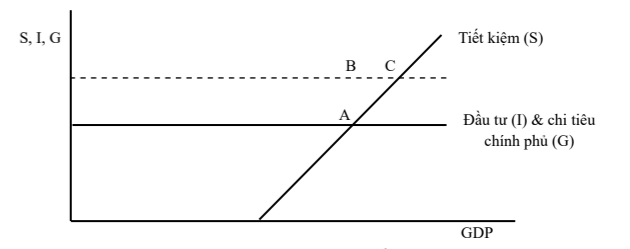
Khi tổng chi tiêu dự kiến bằng tổng sản lượng, nền kinh tế đạt trạng thái cân bằng. Nếu tổng chi tiêu lớn hơn tổng sản lượng, các doanh nghiệp sẽ thấy hàng tồn kho giảm xuống và sẽ tăng sản xuất, dẫn đến tăng GDP. Ngược lại, nếu tổng chi tiêu nhỏ hơn tổng sản lượng, hàng tồn kho sẽ tăng lên và các doanh nghiệp sẽ giảm sản xuất, làm giảm GDP. Quá trình điều chỉnh này tiếp tục cho đến khi nền kinh tế đạt đến mức sản lượng cân bằng.



Hình 2: Nghịch lý của tiết kiệm

Một trong những kết luận nổi bật của mô hình Keynes là “Nghịch lý của Tiết kiệm” (Paradox of Thrift). Nghịch lý này cho thấy rằng việc tăng tiết kiệm trong một nền kinh tế có thể dẫn đến giảm tổng sản lượng và thu nhập. Khi mọi người cố gắng tiết kiệm nhiều hơn, họ sẽ giảm chi tiêu, làm giảm tổng cầu. Sự sụt giảm tổng cầu này sẽ khiến các doanh nghiệp giảm sản xuất và sa thải công nhân, dẫn đến giảm GDP. Khi người dân quyết định tiết kiệm nhiều hơn, họ sẽ giảm tiêu dùng. Sự sụt giảm

tiêu dùng làm giảm tổng cầu, vì tiêu dùng là một thành phần quan trọng của tổng cầu. Các doanh nghiệp, nhận thấy nhu cầu giảm, sẽ giảm sản xuất để tránh tích lũy hàng tồn kho. Việc giảm sản xuất dẫn đến giảm thu nhập cho người lao động và chủ sở hữu doanh nghiệp. Sự giảm thu nhập làm giảm tiêu dùng hơn nữa, tạo ra một vòng xoáy đi xuống cho nền kinh tế.



Hình 3: Chính sách tài khóa mở rộng và số nhân

Nghịch lý của tiết kiệm có ý nghĩa quan trọng đối với chính sách kinh tế. Mô hình Keynes khác biệt đáng kể so với quan điểm kinh tế cổ điển, vốn cho rằng thị trường tự do luôn tự điều chỉnh để đạt trạng thái toàn dụng lao động.

4.2. Mô hình IS-LM: Phân tích cân bằng vĩ mô và lựa chọn chính sách

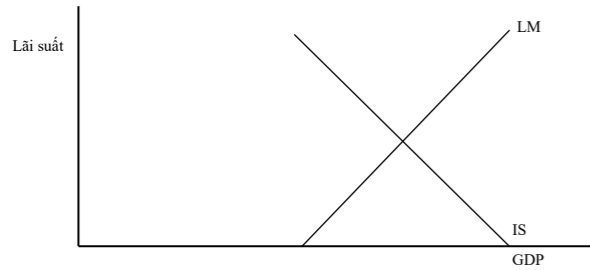
Trong thế giới kinh tế vĩ mô phức tạp, việc hiểu các lực lượng tương tác định hình sản lượng, lãi suất và việc làm là vô cùng quan trọng. Mô hình IS-LM, một công cụ được phát triển bởi John Hicks dựa trên công trình của John Maynard Keynes, cung cấp một khuôn khổ mạnh mẽ để phân tích sự tương tác giữa thị trường hàng hóa và dịch vụ (đường IS) và thị trường tiền tệ (đường LM). Mô hình này cho phép chúng ta hiểu cách các chính sách tài khóa và tiền tệ có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế, đồng thời cung cấp thông tin chi tiết về các lựa chọn chính sách mà các nhà hoạch định phải đối mặt.

Đường IS (Investment-Saving) đại diện cho tập hợp tất cả các điểm mà thị trường hàng hóa và dịch vụ đạt trạng thái cân bằng. Điều này có nghĩa là tại bất kỳ điểm nào trên đường IS, tổng cung (sản lượng) bằng tổng cầu (chi tiêu). Đường IS thể hiện mối quan hệ nghịch biên giữa lãi suất và sản lượng, phản ánh cách lãi suất ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư và tiêu dùng.

Lãi suất đóng vai trò là chi phí vay vốn đối với các doanh nghiệp. Khi lãi suất giảm, các dự án đầu tư trở nên hấp dẫn hơn vì chi phí tài chính giảm. Các doanh nghiệp có nhiều khả năng vay tiền để mua máy móc, thiết bị mới, xây dựng nhà máy và mở rộng hoạt động. Sự gia tăng đầu tư này làm tăng tổng cầu. Lãi suất cũng ảnh hưởng đến các quyết định tiêu dùng của hộ gia đình. Lãi suất thấp hơn khuyến khích người tiêu dùng vay tiền để mua nhà, xe hơi và các hàng hóa lâu bền khác. Điều này làm tăng chi tiêu tiêu dùng và tổng cầu. Sự gia tăng đầu

tư và tiêu dùng do lãi suất thấp hơn tạo ra một hiệu ứng số nhân. Khi chi tiêu tăng, thu nhập của người dân tăng, dẫn đến tăng chi tiêu hơn nữa. Vòng xoáy này tiếp tục cho đến khi nền kinh tế đạt đến một trạng thái cân bằng mới.

Xu hướng tiêu dùng cao hơn sẽ làm cho đường IS dốc hơn, vì sự thay đổi trong lãi suất sẽ có tác động lớn hơn đến tổng cầu. Niềm tin kinh doanh lạc quan khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn, ngay cả khi lãi suất không thay đổi. Điều này làm dịch chuyển đường IS sang phải.



Hình 4: Biểu đồ IS - LM

b) Đường LM: Cân bằng trên thị trường tiền tệ

Đường LM (Liquidity preference-Money supply) đại diện cho tập hợp tất cả các điểm mà thị trường tiền tệ đạt trạng thái cân bằng. Nó cho thấy mối quan hệ đồng biến giữa lãi suất và sản lượng, phản ánh cách sản lượng ảnh hưởng đến nhu cầu tiền tệ. Khi sản lượng tăng, thu nhập của người dân tăng, dẫn đến tăng nhu cầu giao dịch tiền tệ (để mua hàng hóa và dịch vụ). Để đáp ứng nhu cầu giao dịch tiền tệ tăng lên, lãi suất phải tăng để khuyến khích người dân giữ ít tiền mặt hơn và gửi tiền vào ngân hàng. Lãi suất cao hơn làm tăng chi phí cơ hội của việc giữ tiền mặt, vì người dân có thể kiếm được lợi nhuận bằng cách đầu tư vào trái phiếu hoặc các tài sản khác.

Tăng cung tiền sẽ làm dịch chuyển đường LM sang phải, vì nó làm giảm lãi suất ở mọi mức sản lượng. Nhu cầu tiền tệ có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như lo ngại về rủi ro kinh tế, thay đổi trong công nghệ thanh toán và kỳ vọng về lạm phát. Nhu cầu tiền tệ cao hơn sẽ làm cho đường LM dốc hơn.

c) Giao cắt IS-LM: Cân bằng vĩ mô và lựa chọn chính sách

Điểm giao cắt của đường IS và đường LM xác định mức sản lượng và lãi suất cân bằng trong nền kinh tế. Tại điểm này, cả thị trường hàng hóa và dịch vụ và thị trường tiền tệ đều đạt trạng thái cân bằng. Mức sản lượng cân bằng là mức sản lượng mà tại đó tổng cung bằng tổng cầu và thị trường hàng hóa và dịch vụ đạt trạng thái cân bằng. Lãi suất cân bằng là lãi suất mà tại đó cung tiền bằng cầu tiền và thị trường tiền tệ đạt trạng thái cân bằng. Điểm giao cắt IS-LM đại diện cho một trạng thái cân bằng vĩ mô,

trong đó cả thị trường hàng hóa và dịch vụ và thị trường tiền tệ đều đạt trạng thái cân bằng đồng thời.

4.3 Những điểm yếu của trường phái kinh tế học Keynesian

Kinh tế học Keynesian, được phát triển bởi John Maynard Keynes đã cách mạng hóa cách các nhà kinh tế và hoạch định chính sách tư duy về việc ổn định nền kinh tế.

a) Bỏ qua các yếu tố cung ứng hay vai trò của chi phí đầu vào

Một trong những chỉ trích chính đối với kinh tế học Keynesian là nó tập trung chủ yếu vào các yếu tố phía cầu của nền kinh tế, trong khi bỏ qua hoặc đánh giá thấp vai trò của các yếu tố phía cung. Mô hình Keynesian cho rằng những thay đổi trong tổng cầu có thể có tác động đáng kể đến sản lượng và việc làm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, những chỉ trích cho rằng Keynesian ít chú ý đến các yếu tố ảnh hưởng đến tổng cung, chẳng hạn như năng suất, đổi mới công nghệ, và các quy định.

Khi bỏ qua các yếu tố cung ứng, kinh tế học Keynesian có thể không cung cấp một bức tranh đầy đủ về cách thức hoạt động của nền kinh tế.

b) Độ trễ thời gian và các vấn đề dự đoán

Việc thực hiện chính sách tài khóa có thể phải đối mặt với độ trễ thời gian và các vấn đề dự đoán đáng kể, điều này có thể làm suy yếu hiệu quả của nó. Có một số loại độ trễ thời gian có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách tài khóa, bao gồm:

Độ trễ nhận biết: Độ trễ này đề cập đến thời gian cần thiết để các nhà hoạch định chính sách nhận ra rằng nền kinh tế đang gặp phải một vấn đề.

Độ trễ quyết định: Độ trễ này đề cập đến thời gian cần thiết để các nhà hoạch định chính sách phát triển và thông qua một kế hoạch chính sách tài khóa.

Độ trễ tác động: Độ trễ này đề cập đến thời gian cần thiết để các chính sách tài khóa được thực hiện có tác động đến nền kinh tế.

Do độ trễ thời gian, các chính sách tài khóa có thể không được thực hiện kịp thời để ổn định nền kinh tế một cách hiệu quả. Ví dụ, đến thời điểm một chính sách tài khóa được thực hiện có tác động đến nền kinh tế, nền kinh tế có thể đã phục hồi, khiến chính sách này không cần thiết hoặc thậm chí gây phản tác dụng. Hơn nữa, các nhà hoạch định chính sách phải đối mặt với các thách thức dự đoán khi cố gắng dự đoán tương lai của nền kinh tế. Các dự đoán kinh tế là không hoàn hảo và các chính sách dựa trên dự đoán không chính xác có thể dẫn đến những hậu quả không mong muốn.

c) Giả định đơn giản hóa

Kinh tế học Keynesian dựa trên một số giả định

đơn giản hóa về cách thức hoạt động của nền kinh tế, có thể hạn chế tính ứng dụng của nó trong thế giới thực. Ví dụ, mô hình Keynesian thường giả định rằng giá cả và tiền lương cứng nhắc, có nghĩa là chúng không điều chỉnh nhanh chóng để thay đổi cung và cầu. Giả định này là quan trọng đối với kết luận của Keynesian rằng những thay đổi trong tổng cầu có thể có tác động đáng kể đến sản lượng và việc làm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, những người chỉ trích cho rằng giá cả và tiền lương linh hoạt hơn Keynesian giả định và rằng nền kinh tế có xu hướng tự điều chỉnh theo thời gian. Hơn nữa, mô hình Keynesian thường giả định rằng có một mối quan hệ ổn định giữa lạm phát và thất nghiệp, được gọi là đường cong Phillips. Tuy nhiên, mối quan hệ này đã được chứng minh là không ổn định theo thời gian và các nhà kinh tế học đã chỉ trích mô hình Keynesian vì đã quá tin tưởng vào đường cong Phillips làm cơ sở cho chính sách.

d) Bỏ qua hành vi vi mô

Một chỉ trích khác đối với kinh tế học Keynesian là nó tập trung vào các tổng vĩ mô và bỏ qua hành vi vi mô của các cá nhân và doanh nghiệp. Mô hình Keynesian cho rằng những thay đổi trong tổng cầu có thể có tác động đáng kể đến nền kinh tế, nhưng nó không xem xét cách các cá nhân và doanh nghiệp phản ứng với những thay đổi chính sách.

Khi bỏ qua hành vi vi mô, kinh tế học Keynesian có thể không cung cấp một bức tranh đầy đủ về cách thức hoạt động của nền kinh tế. Các mô hình kinh tế gần đây cố gắng kết hợp hành vi vi mô để khắc phục những điểm thiếu sót này.

e) Vai trò hạn chế của chính sách tiền tệ

Mặc dù kinh tế học Keynesian chủ yếu tập trung vào chính sách tài khóa, nhưng nó cũng thừa nhận vai trò của chính sách tiền tệ trong việc ổn định nền kinh tế. Tuy nhiên, mô hình Keynesian thường đánh giá thấp hiệu quả của chính sách tiền tệ. Điều này là do mô hình Keynesian cho rằng nhu cầu về tiền tệ không nhạy cảm với lãi suất, có nghĩa là những thay đổi trong lãi suất có ít tác động đến tổng cầu.

Tuy nhiên, những người chỉ trích cho rằng chính sách tiền tệ có thể là một công cụ mạnh mẽ để ổn định nền kinh tế.

f) Vấn đề nợ công

Một trong những mối quan tâm chính liên quan đến kinh tế học Keynesian là nó có thể dẫn đến nợ công cao hơn.

Mặc dù chi tiêu thâm hụt có thể có hiệu quả trong việc thúc đẩy tổng cầu trong ngắn hạn, nhưng nó cũng có thể dẫn đến nợ công cao hơn, điều này có thể có những hậu quả tiêu cực lâu dài cho nền kinh tế. Nợ công cao có thể dẫn đến lãi suất cao hơn, điều này có thể làm giảm đầu tư tư nhân và tăng trưởng

kinh tế.

g) Các thách thức của toàn cầu hóa

Cuối cùng, kinh tế học Keynesian đã bị chỉ trích vì không xem xét đầy đủ các thách thức của toàn cầu hóa.

Phần lớn các phê phán đã nêu trên đối với Keynes nói riêng và tư tưởng Keynesian nói chung là xác đáng. Các nhà hoạch định chính sách đã nhận thức được những hạn chế của mô hình Keynesian và sử dụng nó cùng với các khuôn khổ và công cụ phân tích khác để đưa ra các quyết định kinh tế sáng suốt. Thực tế cho thấy bản thân Keynes đã có một sự quan tâm lớn lao và có nhiều đóng góp cho tư tưởng kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế.

5. Thảo luận: Những đóng góp của Keynes và tư tưởng Keynesian đối với kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế

5.1 Tư tưởng kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế trước Keynes

Tư tưởng về kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế ở nước Anh tập trung vào những đóng góp của David Hume trong bối cảnh thế kỷ 18, từ đó tạo nền tảng cho sự trỗi dậy của kinh tế học Keynesian. Ở đây, nổi bật hai khái niệm then chốt: Lý thuyết Lượng Tiền và Mô hình Giá cả - Tiền đồng - Dòng tiền, chúng định hình cách các nhà kinh tế sau này, bao gồm cả Keynes, tiếp cận các vấn đề kinh tế quốc tế.

Nước Anh thế kỷ 18 là cái nôi của kinh tế học hiện đại. Sự thành công liên tục trong thế giới nói tiếng Anh đã tạo điều kiện cho sự phát triển của tư duy kinh tế mới, mà sau này đã được hệ thống hóa và phát triển bởi các nhà kinh tế học như Adam Smith. Tuy nhiên, không chỉ có Smith hay Ricardo mà David Hume, một nhà triết học và kinh tế học người Scotland, người đã đặt nền móng cho nhiều khái niệm kinh tế quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Mặc dù Hume không viết một chuyên luận kinh tế học toàn diện như “Sự thịnh vượng của các quốc gia” của Smith, nhưng các bài tiểu luận của ông, đặc biệt là “Về cán cân thương mại”, đã cung cấp một khuôn khổ tư duy quan trọng cho đến ngày nay.

Điểm đặc biệt trong phương pháp của Hume là việc sử dụng “Thí nghiệm tư duy”. Ông đã đặt ra các tình huống giả định để phân tích các tác động kinh tế.

Lý thuyết lượng tiền cho rằng có một mối quan hệ trực tiếp giữa lượng tiền tệ trong một nền kinh tế và mức giá chung. Nếu lượng tiền tăng, giá cả cũng tăng, và ngược lại. Phương trình trao đổi $MV = PQ$ thường được sử dụng để minh họa mối quan hệ này. Mô hình Giá cả - Tiền đồng - Dòng tiền giải thích cách sự mất cân bằng trong thương mại quốc tế có

thể tự điều chỉnh thông qua dòng chảy tiền đồng (vàng hoặc bạc) giữa các quốc gia. Nếu một quốc gia có thặng dư thương mại, tiền đồng sẽ chảy vào, làm tăng giá cả và ngược lại. Sự thay đổi giá cả này sẽ khuyến khích nhập khẩu và giảm xuất khẩu, từ đó tự động điều chỉnh cán cân thương mại.

Mô hình này mang những hạn chế của các mô hình cổ điển trong bối cảnh nền kinh tế công nghiệp. Trong nền kinh tế nông nghiệp, giá cả và tiền công có thể điều chỉnh linh hoạt.

Những ý tưởng của Hume đã có ảnh hưởng đến tư duy của Keynes. Keynes đã nhận ra rằng trong thế giới thực, giá cả và tiền lương không hoàn toàn linh hoạt và sự mất cân bằng thương mại có thể dẫn đến thất nghiệp thay vì tự động điều chỉnh giá cả. Các quan điểm này làm nổi bật tầm quan trọng của David Hume và các mô hình kinh tế của ông trong việc hình thành tư duy kinh tế hiện đại. Mặc dù các mô hình này có những hạn chế và giả định đơn giản hóa, chúng đã cung cấp nền tảng cho các nhà kinh tế học sau này, bao gồm cả Keynes, để phát triển các lý thuyết phức tạp hơn và phù hợp hơn với thực tế kinh tế đương đại.

5.2 Keynes: Kiến trúc sư của trật tự kinh tế Thế Giới

Chiến tranh Thế giới thứ hai đã tàn phá nền kinh tế toàn cầu, gây ra sự hỗn loạn tiền tệ, sự gián đoạn thương mại và tình trạng nghèo đói lan rộng. Các hệ thống tiền tệ và thương mại quốc tế trước chiến tranh đã sụp đổ, để lại một khoảng trống cần được lấp đầy. Các nhà lãnh đạo Đồng Minh, nhận thức được sự cần thiết của một trật tự kinh tế mới, đã tập hợp tại Bretton Woods, New Hampshire vào năm 1944 để xây dựng một khuôn khổ hợp tác kinh tế sau chiến tranh.

a) Hội nghị Bretton Woods

Hội nghị Bretton Woods là một cột mốc quan trọng trong lịch sử kinh tế quốc tế, và Keynes đóng một vai trò trung tâm trong việc định hình kết quả của nó. Ông dẫn đầu phái đoàn Anh và đóng vai trò là kiến trúc sư chính của hệ thống tiền tệ và thương mại mới được đề xuất. Keynes đến Bretton Woods với một kế hoạch tỉ mỉ, được gọi là “Kế hoạch Keynes,” nhằm mục đích tạo ra một hệ thống tiền tệ quốc tế ổn định và linh hoạt, khuyến khích thương mại và đầu tư.

Mặc dù kế hoạch của Keynes không được thông qua hoàn toàn, nhưng nhiều ý tưởng của ông đã được kết hợp vào hệ thống Bretton Woods cuối cùng. Hệ thống Bretton Woods, được thành lập vào năm 1944, dựa trên bản vị vàng - đô la. Theo hệ thống này, đô la Mỹ được cố định với vàng và các quốc gia khác cố định tiền tệ của họ với đô la Mỹ. Hệ thống Bretton Woods đã thành công trong việc cung cấp sự ổn định tiền tệ và khuyến khích tăng trưởng thương mại và

đầu tư trong những năm sau chiến tranh.

b) Sự thành lập của IMF Và WB

Ngoài việc xây dựng hệ thống tiền tệ, Keynes còn đóng một vai trò quan trọng trong việc thành lập hai tổ chức quốc tế quan trọng: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB).

IMF được thành lập để thúc đẩy hợp tác tiền tệ quốc tế và cung cấp hỗ trợ tài chính cho các quốc gia gặp khó khăn về cán cân thanh toán. Keynes hình dung IMF như là một cơ quan có quyền lực lớn, có thể giám sát chính sách kinh tế của các quốc gia thành viên và cung cấp hỗ trợ tài chính quy mô lớn để ngăn chặn khủng hoảng. WB được thành lập để cung cấp tài chính cho các dự án tái thiết và phát triển ở các nước đang phát triển. Keynes hình dung WB như là một cơ quan có thể huy động vốn tư nhân và cung cấp các khoản vay lãi suất thấp cho các nước nghèo. Mặc dù Keynes không trực tiếp tham gia vào việc thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nhưng những ý tưởng của ông về thương mại tự do và hợp tác kinh tế đã có ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thống thương mại đa phương. Hệ thống GATT (Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại), tiền thân của WTO, được thành lập vào năm 1948 với mục tiêu giảm bớt các rào cản thương mại và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Di sản của Keynes trong việc định hình trật tự kinh tế thế giới hậu chiến tranh là không thể phủ nhận. Ông đã đóng một vai trò trung tâm trong việc xây dựng hệ thống Bretton Woods, thành lập IMF và WB và thúc đẩy ý tưởng về thương mại tự do và hợp tác kinh tế. Những ý tưởng và tổ chức mà ông giúp tạo ra đã đóng góp vào sự ổn định và thịnh vượng kinh tế toàn cầu trong nhiều thập kỷ.

Trong những năm qua, IMF và WB đã thích nghi với những thay đổi trong bối cảnh kinh tế toàn cầu.

John Maynard Keynes là một trong những kiến trúc sư quan trọng nhất của trật tự kinh tế thế giới hậu chiến tranh. Ông đã đóng một vai trò then chốt trong việc xây dựng hệ thống bản vị vàng - đô la tại Hội nghị Bretton Woods, thành lập IMF và WB, và thúc đẩy ý tưởng về thương mại tự do và hợp tác kinh tế. Di sản của Keynes là một minh chứng cho sức mạnh của tư duy sáng tạo và sự cần thiết của hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các thách thức kinh tế toàn cầu.

5.3 Cân bằng bên trong và bên ngoài trong bối cảnh Kinh tế học Keynesian

John Maynard Keynes, với tác phẩm “Lý thuyết Tổng quát” và những đóng góp của mình trong việc thiết lập hệ thống Bretton Woods, đã đặt nền móng cho sự hiểu biết hiện đại về kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, những nỗ lực ban đầu của ông trong việc tích hợp các khía cạnh quốc tế vào khuôn khổ phân tích của mình còn gặp nhiều hạn chế. Biểu đồ Swan, mặc

dù ra đời sau khi Keynes qua đời, nhưng lại là sự kế thừa tinh hoa tư tưởng của ông, giúp giải quyết những hạn chế này một cách đầy đủ. Biểu đồ Swan là một di sản quan trọng của tư duy Keynesian, cung cấp một khuôn khổ trực quan và hữu ích để phân tích mối quan hệ phức tạp giữa cân bằng bên trong và cân bằng bên ngoài. Mặc dù nó có những hạn chế nhất định, nhưng nó vẫn là một công cụ giá trị cho các nhà hoạch định chính sách khi họ cố gắng điều hướng những thách thức của kinh tế quốc tế và duy trì sự ổn định kinh tế. Bài học từ biểu đồ Swan là nền kinh tế không tồn tại trong sự cô lập và những quyết định chính sách trong nước có thể có những hậu quả sâu rộng trên toàn cầu. Bằng cách kết hợp sự cân bằng bên trong và bên ngoài vào quá trình ra quyết định, các nhà hoạch định chính sách có thể đạt được kết quả bền vững và công bằng hơn cho tất cả các bên liên quan.

6. Kết luận

Dù được biết đến rộng rãi với “Lý Thuyết Tổng Quát” và các ứng dụng kinh tế vĩ mô trong nước, John Maynard Keynes và trường phái Keynesian có những đóng góp quan trọng nhưng ít được chú ý hơn cho kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế. Điều này cho thấy tầm nhìn toàn diện của Keynes vượt xa khuôn khổ “nền kinh tế đóng”. Vai trò của ông trong việc thiết lập hệ thống Bretton Woods và các tổ chức như IMF, WB cho thấy sự quan tâm sâu sắc

Tài liệu tham khảo:

1. Peter Temin & David Vines, Keynes (2014): *Useful Economics for the World Economy*, MIT Press
2. David Hume, Essays (1987): *Moral, Political and Literary*, Liberty Fund Inc
3. Peter Temin & David Vines, Keynes: *Tư tưởng kinh tế hữu ích cho nền kinh tế thế giới ngày nay*, Linh Dương dịch, NXB Đà Nẵng & Book Hunter, 2024

đến kinh tế quốc tế. Keynes nhận ra sự cần thiết của hợp tác đa phương và một hệ thống tiền tệ ổn định để thúc đẩy thương mại và đầu tư toàn cầu.

Mặc dù được phát triển sau khi Keynes qua đời, biểu đồ Swan là một công cụ quan trọng để hiểu mối quan hệ giữa cân bằng bên trong (toàn dụng lao động, ổn định giá cả) và cân bằng bên ngoài (cán cân thanh toán). Biểu đồ này giúp các nhà hoạch định chính sách xem xét đồng thời cả các mục tiêu trong nước và quốc tế, và tìm ra các giải pháp chính sách phù hợp. Thế giới cần một cách tiếp cận đa phương và hợp tác hơn để giải quyết các thách thức kinh tế toàn cầu. Thay vì theo đuổi các chiến lược vị kỷ dựa trên xuất khẩu, các quốc gia nên tập trung vào việc kích thích nhu cầu trong nước và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Điều này đòi hỏi sự hợp tác quốc tế và một sự thay đổi trong tư duy từ cạnh tranh sang hợp tác.

Tóm lại những đóng góp của Keynes và trường phái của ông cho kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế là rất đáng kể và vẫn còn phù hợp cho đến ngày nay. Từ việc thiết lập hệ thống Bretton Woods đến sự phát triển của các công cụ phân tích như biểu đồ Swan, Keynes đã để lại một di sản sâu sắc, kêu gọi sự hợp tác và tư duy sáng tạo để giải quyết các thách thức kinh tế toàn cầu.

4. Todd G. Buchholz (2010), *Ý tưởng mới từ các kinh tế gia tiền bối*, NXB Tri Thức

5. John Maynard Keynes (1994), *Lý thuyết Tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ*, NXB Giáo dục

6. Mark Skousen, *Ba người khổng lồ trong kinh tế học: Adam Smith, Các Mác và John Maynard Keynes*, NXB CTQG, 2009

**NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA KEYNES VÀ CÁC CỘNG SỰ
ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU**

Trần Đăng Dương

Trường Đại học Trung Vương

Email: tranduong.gss@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/02/2025

Ngày phản biện: 05/03/2025

Ngày tác giả sửa: 16/03/2025

Ngày duyệt đăng: 22/03/2025

Ngày phát hành: 30/03/2025

DOI:

<https://doi.org/.../.../...>

TÓM TẮT

Trường phái kinh tế học Keynesian khá phổ biến tại Việt Nam, các học phần kinh tế học vĩ mô tại Việt Nam đều ít nhiều chứa đựng các nội dung có liên quan tới trường phái kinh tế học này. Tuy nhiên, những đóng góp của cá nhân John Maynard Keynes và các nhà kinh tế học theo trường phái Keynesian cho kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế hay là cho sự thịnh vượng chung của toàn thế giới, dường như chưa được chú ý đúng mức. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động như giai đoạn hiện nay, bài viết này sẽ nhằm giới thiệu một số nét tiêu biểu của trường phái kinh tế học John Maynard Keynes nói riêng và các nhà tư tưởng theo trường phái kinh tế học Keynesian nói chung, sau đó thảo luận về những đóng góp khác ít được biết đến hơn của ông và các cộng sự về tư tưởng kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế.

Từ khóa: Keynes; Keynesian; Kinh tế quốc tế; Kinh tế vĩ mô; Chính sách kinh tế